TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2018/DS-PT

Ngày 18 - 9 - 2018

V/v Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất và chia thừa kế quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Thi

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Trâm Anh

Bà Đặng Thị Bích Vân

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Ông Phan Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2018/TLPT-DS ngày 18 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất và chia thừa kế quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện AB, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 157/2018/QĐ-PT ngày 15 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1931(chết ngày 23/10/2012).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn, đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Trương Thái B, sinh năm: 1962 (Con bà Hoa) - (Có mặt).

Bà Trương Thị Bích V, sinh năm: 1963 (Con bà Hoa) - (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp ĐT, xã ĐT, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp KT, xã KB, huyện KL, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1 (Có mặt).

2. NLQ2 (Có đơn xét xử vắng mặt).

3. NLQ3 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. NLQ4 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

5. NLQ5 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

6. NLQ6 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Lê Thị H là bà Trương Thị Bích V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện năm 2008, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Bà và chồng bà là ông Trương Văn H có tạo lập được đất thổ cư + vườn + ruộng tổng diện tích là 21.042m^2 (thực tế hiện nay 19.301m^2 chưa trừ lộ giới) được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H vào năm 1993 và đổi sang giấy bìa đỏ vào năm 2003. Năm 1996, ông H chết, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông H, khó khăn trong việc vay vốn Ngân hàng, nên đến 2005 bà mới quyết định cho người con lớn là ông Trương Thái B diện tích đất 1.680m^2, phần còn lại 3.849m^2 đất vườn và 15.512m^2 đất lúa giao toàn bộ cho Trương Thanh V là con trai út (chồng bà D) đứng tên quyền sử dụng đất để tiện cho ông V liên hệ vay vốn Ngân hàng.

Sau khi ông V được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì vợ chồng ông V đã thế chấp vay vốn tại Ngân hàng, đến ngày 28/10/2006 ông V bị bệnh chết. Sau khi ông V chết, bà H phát hiện bà D kêu chuyển nhượng đất cho người khác. Nên đến ngày 15/5/2007, bà H gọi tất cả con ruột bà, con dâu, con rễ và cháu đến để lập tờ di chúc phân chia đất, lúc đó bà D cũng đồng ý ký tên trong tờ di chúc, nhưng sau đó bà D không đồng ý mà đòi hết đất của bà đã sang tên qua ông V. Sự việc tranh chấp nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Hồng D trả lại cho bà phần đất thổ cư + vườn + ruộng là 11.466m^2, đất tọa lạc tại ấp ĐT, xã ĐT, huyện AB, tỉnh Kiên Giang để bà chia lại cho các con của bà là Trương Thái B và Trương Thị Bích V, phần còn lại thì cho bà D sử dụng.

- *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn bà Lê Thi Ho:*

1. Ông Trương Thái B trình bày: Vào năm 2009, mẹ ông là bà H có khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng D trả lại diện tích đất thổ cư + vườn và đất lúa diện tích 11.466m^2 đã được Tòa án thụ lý giải quyết. Đến ngày 23/10/2012 bà Lê Thị H chết.

Nay ông tiếp tục theo nội dung khởi kiện của bà H là yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng D trả lại đất thổ cư + vườn + ruộng là 11.466m^2 tọa lạc tại ấp ĐT, xã ĐT, huyện AB, tỉnh Kiên Giang và ông yêu cầu Tòa án hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp đã cấp cho ông Trương Thanh V, giấy chứng nhận của bà Nguyễn Thị Hồng D và yêu cầu NLQ1 và NLQ2 trả lại toàn bộ diện tích đất mà bà D đã chuyển nhượng. Đồng thời, ông yêu cầu Tòa án chia thừa kế di sản bà H để lại theo di chúc ngày 15/5/2007 (Theo di chúc ông B được 7.776m^2, bà D được 7.776m^2, bà Vân được 2.592m^2).

2. Bà Trương Thị Bích V trình bày: Bà thống nhất với nội dung khởi kiện của bà H là yêu cầu bà D trả đất và yêu cầu Tòa án hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp đã cấp cho ông Trương Thanh V, Trương Thái B, giấy chứng nhận của bà Nguyễn Thị Hồng D (do thừa kế từ ông V) và yêu cầu vợ chồng NLQ1 và NLQ2 trả lại toàn bộ diện tích đất mà bà D chuyển nhượng cho bà. Đồng thời yêu cầu chia thừa kế di sản của bà H để lại theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất gồm bà, ông B và ông V (Con ông V thừa kế) không đồng ý chia thừa kế theo di chúc như ông B yêu cầu.

Tại phiên tòa: Ông B, bà V xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc hủy các giấy chứng nhận chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Trương Thanh V, ông Trương Thái B, giấy chứng nhận của bà Nguyễn Thị Hồng D (do thừa kế từ ông V).

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng D trình bày:

Bà thừa nhận toàn bộ diện tích đất mà vợ chồng bà đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc của cha mẹ chồng là ông H và bà H. Sau khi ông H chết, bà H ở với vợ chồng bà nên đến năm 2005, bà H họp gia đình thống nhất làm giấy cho ông B diện tích 1.680m^2, phần còn lại 19.361m^2 giao hết cho vợ chồng bà và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2015. Bà D không đồng ý yêu cầu của bà H cũng như yêu cầu của ông B, bà V.

Phần đất tranh chấp giữa bà H với bà đã được Tòa án hai cấp xét xử công nhận cho bà, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật bà đã chuyển nhượng cho vợ chồng NLQ1 và phần còn lại đã chuyển nhượng cho NLQ2, nên không còn đất để trả theo yêu cầu của bà V và ông B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ1 trình bày:

Vào năm 2011, vợ chồng ông bà có nhận chuyển nhượng 6.000m^2 đất ruộng, tại thửa 275-a, tọa lạc tại ấp ĐT, xã ĐT, huyện AB, tỉnh Kiên Giang. Phần đất này của bà Nguyễn Thị Hồng D, nhưng vợ chồng ông bà chuyển nhượng từ Cơ quan thi hành án dân sự huyện AB phát mãi bán đấu giá, vợ chồng ông bà đã trúng giá và mua với số

vàng tính ra thời điểm là 37,5 chỉ vàng 24kara, vợ chồng bà đã giao đủ tiền vàng và được Ủy ban nhân dân huyện AB, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích trên. Sau khi trả xong tiền, vợ chồng bà đã nhận đất canh tác đến nay, nên không đồng ý trả đất theo yêu cầu của bà V và ông B.

Nay vợ chồng ông bà yêu cầu được sử dụng phần đất vợ chồng ông bà chuyển nhượng của bà D thông qua bán đấu giá từ Cơ quan thi hành án với diện tích 6.000m^2 (thực tế hiện nay 5.800m^2) với giá là 37,5 chỉ vàng 24kara.

2. NLQ2 trình bày:

Vào năm 2011, chị có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Hồng D diện tích 3.029m^2 (thực tế 3.076m^2 chưa trừ lộ giới) loại đất ở nông thôn + trồng cây lâu năm tại thửa 274 và diện tích đất lúa 9.396m^2 (thực tế còn 8.645,9m^2) tại thửa 275 tọa lạc tại ấp ĐT, xã ĐT, huyện AB, tỉnh Kiên Giang. Chị đã giao đủ tiền và được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục chuyển tên quyền sử dụng đất cho chị. Từ khi chị nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đến nay, ông B và bà V đã bao chiếm và sử dụng phần đất này.

Nay chị yêu cầu ông B, bà V giao trả lại diện tích đất chị chuyển nhượng của bà D để chị sử dụng với diện tích 3.029m^2 tại thửa 274 và 9.396m^2 tại thửa 275 nói trên. Đồng thời yêu cầu ông B và bà V không được ngăn cản việc chị sử dụng đất.

3. NLQ4 trình bày tại đơn xin xử vắng mặt ngày 21/7/2017: Phần đất tranh chấp giữa bà H là bà nội chị với mẹ chị là bà D đã được Tòa sơ thẩm và phúc thẩm xét xử xong và mẹ chị đã chuyển nhượng đất này cho NLQ2 và NLQ1, nên chị không có ý kiến và yêu cầu gì về phần đất này.

4. Đối với NLQ5 vắng mặt không có ý kiến.

Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện AB, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H và người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H là Trương Thái B, Trương Thị Bích V về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng D trả lại quyền sử dụng đất diện tích 11.466m^2 đất ở nông thôn + trồng cây lâu năm và ruộng tọa lạc tại ấp ĐT, xã ĐT, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Thái B về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc.

3. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng D trả cho ông Trương Thái B quyền sử dụng đất diện tích 7.776m^2 theo giá trị là 255.493.000đ *(Hai trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn đồng)*.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng D trả cho bà Trương Thị Bích V quyền sử dụng đất 2.592m^2 theo giá trị 85.164.500đ *(Tám mươi lăm triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn đồng)*.

4. Công nhận cho NLQ2 được quyền sử dụng diện tích 3.029m^2 (thực tế 3.076m^2 chưa trừ lộ giới) loại đất ở nông thôn + trồng cây lâu năm tại thửa 274 và diện tích đất lúa 9.396m^2 (thực tế còn 8.645,9m^2) tại thửa 275 tọa lạc tại ấp ĐT, xã ĐT, huyện AB, tỉnh kiên Giang. Ghi nhân sự tự nguyện thỏa thuận của NLQ2, ông B, bà V về việc NLQ2 giao lại cho ông B, bà V diện tích đất mộ là 14,9m^2 tại thửa 274 nói trên. Vậy diện tích tại thửa 274 của NLQ2 còn lại là 3.076m^2 - 14,9m^2 = 3.061m^2.

Buộc bà Trương Thị Bích V và ông Trương Thái B giao trả lại diên tích hai thửa đất nói trên cho NLQ2 sử dụng và nghiêm cấm mọi hành vi cản trở việc NLQ2 sử dụng hợp pháp hai thửa đất nói trên.

5. Công nhận cho NLQ1 được quyền sử dụng diện tích 6.000m^2 (đo thực tế 5.810,8m^2) tại thửa 275a, tờ bản đồ 4-5, loại đất lúa tọa lạc tại ấp ĐT, xã ĐT, huyện AB, tỉnh kiên Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do NLQ1 đứng tên vào ngày 14/4/2011.

6. Ghi nhận ý kiến của ông B, bà V tiếp tục giao cho ông B quản lý, sử dụng đối với diện tích đất 1.519m^2 (thực tế.1.768m^2 chưa trừ lộ giới) tại thửa 274a loại đất ở nông thôn + trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp ĐT, xã ĐT, huyện AB, tỉnh Kiên Giang. Do ông Trương Thái B và NLQ3 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

7. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Thái B và bà Trương Thị Bích V về việc yêu cầu Tòa án hủy các giấy chứng nhận chứng nhận quyền sử dụng đất cấp đã cấp cho ông Trương Thanh V, Trương Thái B, giấy chứng nhận của bà Nguyễn Thị Hồng D (do thừa kế từ ông V).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần án phí, lãi suất châm trả, chi phí định giá, giám định và báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03 tháng 4 năm 2018, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Lê Thị H là bà Trương Thị Bích V có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:

Xem xét giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Hồng D trả lại cho bà phần đất nông nghiệp và vườn với diện tích hai công tầm 03m. Đất tọa lạc tại ấp ĐT, xã ĐT, huyện AB, tỉnh Kiên Giang theo di chúc của mẹ bà tên Lê Thị H được lập vào ngày 15/5/2007.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trương Thị Bích V vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Các đương sự không tự hòa giải với nhau được, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến kết luận vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Lê Thị H là bà Trương Thị Bích V. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng D đã được Tòa án niêm yết giấy triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, NLQ3, NLQ2, NLQ4, NLQ5 và NLQ6 có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Phần đất có diện tích 21.042m^2. Trong đó, đất vườn và đất ở nông thôn có diện tích 5.530m^2, phần còn lại là đất lúa do ông Trương Việt H và bà Lê Thị H tạo lập đã được NLQ6 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Trương Việt H đứng tên. Năm 1996, ông H chết, bà H làm đơn giao quyền sử dụng đất cho con là Trương Thái B và Trương Thanh V. Năm 2005, ông Trương Thái B được nhà nước cấp diện tích 1.519m^2 đất trồng cây lâu năm, ông Trương Thanh V được cấp 15.512m^2 đất trồng lúa và 3.849m^2 đất ở và trồng cây lâu năm. Năm 2006, ông V chết, năm 2007 bà H cùng các con phân chia lại đất lập tờ di chúc chia cho các con gồm ông B, bà V, bà D (vợ ông V) cùng thống nhất ký tên trên tờ di chúc. Nhưng sau đó bà D không đồng ý, nên bà H khởi kiện đòi lại diện tích 11.466m^2.

Tuy nhiên, khi Tòa án hai cấp xét xử sơ, phúc thẩm công nhận quyền sử dụng đất cho bà D gồm đất thổ cư và đất vườn có diện tích 3.849m^2, đất lúa 15.512m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 646701 và số AB 646900 do NLQ6 cấp ngày 16/3/2005 do ông Trương Thanh V và bà Nguyễn Thị Hồng D. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Cơ quan thi hành án dân sự huyện AB, tỉnh Kiên Giang đã kê biên phát mãi diện tích 6.000m^2 đất lúa, vợ chồng NLQ1 là người nhận chuyển nhượng. Nay vợ chồng NLQ1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/4/2011. Phần diện tích đất còn lại gồm đất thổ cư và vườn 3.029m^2 (thực tế 3.076m^2) và diện tích đất lúa 9.396m^2 (thực tế 8.645,9m^2) bà D đã chuyển nhượng hết cho NLQ2. Nay NLQ2 cũng được NLQ6 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Việc giao dịch giữa bà D với vợ chồng NLQ1 thông qua bán đấu giá, nên hoàn toàn hợp pháp, không trái đạo đức xã hội. Còn giao dịch giữa bà D với NLQ2

là ngay tình đã được NLQ6 công nhận quyền sử dụng đất. Nên các giao dịch giữa bà D với vợ chồng NLQ1 giữa bà D với NLQ2 đã có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 133 Bộ luật dân sự năm 2015. Do vậy, bản án sơ thẩm công nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng NLQ1, NLQ2 là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm không tuyên rõ các cạnh của các thửa đất được công nhận cho vợ chồng NLQ1, NLQ2 là có thiếu sót, khó khăn trong việc thi hành án, nên cần thiết phải bổ sung. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm đối với phần này.

Mặc dù, việc bà D được bà H giao cho đứng tên cùng chồng là ông V, cũng không phải tặng cho, cũng không phải hưởng thừa kế. Tại vì thời điểm bà H giao cho ông V, bà D đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì ông H đã chết, nên một mình bà H giao dịch cho ông V, bà D không được bà V, ông B đồng ý là không phù hợp quy định của pháp luật. Nên án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của Trương Thái B. Buộc bà D trả cho Trương Thái B giá trị kỷ phần thừa kế của ông B với diện tích 7.796m^2 là 255.493.000 đồng. Buộc bà D trả cho bà Trương Thị Bích V giá trị kỷ phần 2.592m^2 bằng 85.164.500 đồng là hoàn toàn thỏa đáng, phù hợp quy định của pháp luật.

Xét kháng cáo của bà Trương Thị Bích V yêu cầu được nhận lại diện tích đất, không đồng ý nhận giá trị như bản án sơ thẩm đã xét xử.

Xét thấy, mặc dù nguồn gốc đất do ông Trương Văn H, bà Lê Thị H để lại. Bà V, ông B là người thừa kế hợp pháp, nhưng sau khi ông H chết, bà H giao cho ông V, bà D đứng tên. Ông V chết, bà D đã chuyển nhượng đất cho vợ chồng NLQ1, NLQ2 hợp pháp ngay tình, bà D có lỗi phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Nên ông B, bà V đòi lấy lại bằng quyền sử dụng là không khả thi. Vì bà D cũng có mối quan hệ là em dâu của ông B, bà V. Vì vậy, buộc thanh toán bằng giá trị quyền sử dụng đất theo kỷ phần thừa kế là phù hợp. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà V. Nghĩ nên chấp nhận đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 22/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

[4] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Ông Trương Thái B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5% trên giá trị được chia 255.493.000 đồng là 12.774.650 đồng (làm tròn 12.775.000 đồng), khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà Trương Thị Bích V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5% trên giá trị được chia 85.164.5000 đồng là 4.258.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Trương Thị Bích V phải nộp án phí dân sự phúc thẩm 600.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[5] Chi phí tố tụng khác:

- Chi phí đo đạc: Do vụ án thụ lý năm 2008, trước đây Chi nhánh Văn phòng đất đai huyện AB, tỉnh Kiên Giang không thu tiền đo đạc, nên miễn xét.

- Chi phí định giá với số tiền 3.000.000 đồng. Ghi nhận ông Trương Thái B tự nguyện nộp 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)*, bà Trương Thị Bích V tự nguyện nộp 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)*. Ông B, bà V đã nộp đủ số tiền định giá.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 144, Điều 147, 217 Bộ luật tố tụng dân năm 2015; Điều 133, Điều 613, 624, 630, 631, 659 Bộ luật dân sự 2015; Điều 179, 202, 203 Luật đất đai năm 2013.

Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/2/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Lê Thị H là bà Trương Thị Bích V.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

- *Phần tuyên xử:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H và người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H là Trương Thái B, Trương Thị Bích V về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng D trả lại quyền sử dụng đất diện tích 11.466m^2 đất ở nông thôn + trồng cây lâu năm và ruộng tọa lạc tại ấp ĐT, xã ĐT, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Thái B về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc.

3. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng D trả cho ông Trương Thái B quyền sử dụng đất diện tích 7.776m^2 theo giá trị là 255.493.000đ *(Hai trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn đồng)*.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng D trả cho bà Trương Thị Bích V quyền sử dụng đất 2.592m^2 theo giá trị 85.164.500đ *(Tám mươi lăm triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn đồng)*.

Kể từ ngày ông B, bà V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà D chậm thực hiện số tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thực hiện.

4. Công nhận cho NLQ2 được quyền sử dụng diện tích 3.029m^2 (thực tế 3.076m^2 chưa trừ lộ giới) loại đất ở nông thôn + trồng cây lâu năm tại thửa 274 và diện tích đất lúa 9.396m^2 (thực tế còn 8.645,9m^2) tại thửa 275 tọa lạc tại ấp ĐT, xã ĐT, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

Ghi nhân sự tự nguyện thỏa thuận của NLQ2, ông Trương Thái B, bà Trương Thị Bích V về việc NLQ2 giao lại cho ông B, bà V diện tích đất mộ là 14,9m^2 tại thửa 274 nói trên. Vậy diện tích tại thửa 274 của NLQ2 còn lại là 3.076m^2 - 14,9m^2 = 3.061m^2 có số đo cụ thể như sau:

Cạnh 1-13 = 133,5m giáp đất ông Nguyễn Tấn Tr;

Cạnh 13-14 = 23,6m giáp đất NLQ2 được công nhận;

Cạnh 14-15 = 90,38m giáp đất ông Trương Thái B;

Cạnh 15-16 = 3,95m; cạnh 16-17 = 04m; cạnh 17-18 = 3,52m giáp với đất NLQ2 được công nhận;

Cạnh 18-2 = 38m giáp đất ông Trương Thái B.

Đối với diện tích đất 8.645,9m^2 thuộc thửa 275 có số đo như sau:

- Cạnh 13-5 =38,1m giáp đất NLQ2; ông Trương Thái B được công nhận và đất ông Nguyễn Văn H.

- Cạnh 5-6 = 46,2m; cạnh 6-7 = 1,9m; cạnh 7-8 = 176,3m giáp đất ông Nguyễn Văn H;

- Cạnh 8-12 = 40,3m giáp đất vợ chồng NLQ1 được công nhận;

- Cạnh 12-13 = 222,5m giáp đất ông Nguyễn Tấn Tr.

Buộc bà Trương Thị Bích V và ông Trương Thái B giao trả lại diện tích hai thửa đất nói trên cho NLQ2 sử dụng và nghiêm cấm mọi hành vi cản trở việc NLQ2 sử dụng hợp pháp hai thửa đất nói trên.

5. Công nhận cho NLQ1 được quyền sử dụng diện tích 6.000m^2 (đo thực tế 5.810,8m^2) tại thửa 275a, tờ bản đồ 4-5, loại đất lúa tọa lạc tại ấp ĐT, xã ĐT, huyện AB, tỉnh Kiên Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên NLQ1 do NLQ6 cấp ngày 14/4/2011. Duện tích đất 5.810,8m^2 có số đo cụ thể như sau:

- Cạnh 12-8 = 40,3m giáp đất NLQ2 được công nhận;

- Cạnh 8-9 = 130,9m và cạnh 9-10 = 14m giáp đất ông Nguyễn Văn H;

- Cạnh 10-11 = 37,4m giáp kênh thủy lợi;

- Cạnh 11-12 = 143m giáp đất ông Nguyễn Tấn Tr.

6. Ghi nhận ý kiến của ông B, bà V tiếp tục giao cho ông B quản lý, sử dụng đối với diện tích đất 1.519m^2 (thực tế.1.768m^2 chưa trừ lộ giới) tại thửa 274a loại đất ở nông thôn + trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp ĐT, xã ĐT, huyện AB, tỉnh Kiên Giang. Do ông Trương Thái B và bà NLQ3 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

7. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Thái B và bà Trương Thị Bích V về việc yêu cầu Tòa án hủy các giấy chứng nhận chứng nhận quyền sử dụng đất cấp đã cấp cho ông Trương Thanh V, Trương Thái B, giấy chứng nhận của bà Nguyễn Thị Hồng D (do thừa kế từ ông V).

8. Về án phí

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Hồng D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)*.

Buộc ông Trương Thái B phải nộp án phí sơ thẩm 12.775.000đ *(Mười hai triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)*, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông B đã nộp 4.860.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007124 ngày 09/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AB, tỉnh Kiên Giang. Ông B phải nộp thêm 7.915.000đ *(Bảy triệu chín trăm mười lăm nghìn đồng)*.

Buộc bà Trương Thị Bích V phải nộp án phí sơ thẩm 4.503.000đ *(Bốn triệu năm trăm lẻ ba nghìn đồng)*, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Vân đã nộp là 4.503.000đ *(Bốn triệu năm trăm lẻ ba nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0007128 ngày 13/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AB, tỉnh Kiên Giang. Bà V còn được nhận lại 245.000đ *(Hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng)*.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc bà Trương Thị Bích V phải nộp án phí phúc thẩm 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo các biên lai thu tiền số 0001460 ngày 03/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AB, tỉnh Kiên Giang. Bà V không phải nộp thêm.

9. Về chi phí tố tụng khác:

Chi phí định giá với số tiền 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)*. Ghi nhận ông Trương Thái B tự nguyện nộp 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)*, bà Trương Thị Bích V tự nguyện nộp 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)*. Ông B, bà V đã nộp đủ số tiền định giá.

10. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

11. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện AB;
- THA dân sự huyện AB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Đình Thi